

**QUY CHẾ**

**Quản lý kinh phí khuyến công địa phương và quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày / /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, thị trấn thuộc các huyện; các xã, phường thuộc thành phố Bảo Lộc và các xã thuộc thành phố Đà Lạt; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Chương trình khuyến công địa phương*: Là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về công tác khuyến công địa phương trong từng giai đoạn (thường là 05 (năm) năm) được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội, lao động trên địa bàn tỉnh.

2. *Kế hoạch khuyến công địa phương*: Là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt.

3. *Đề án khuyến công*: Là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 của Quy chế này trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo kế hoạch khuyến công được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

a) Đề án khuyến công quốc gia do Cục Công Thương địa phương thuộc Bộ Công Thương quản lý là đề án triển khai các hoạt động khuyến công quốc gia theo kế hoạch

do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia.

b) Đề án khuyến công địa phương do Sở Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý là đề án triển khai các hoạt động khuyến công địa phương theo kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và được tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

4. *Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu*: Là sản phẩm do các cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất, có chất lượng, giá trị sử dụng cao; có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường; đáp ứng được một số tiêu chí cơ bản về kinh tế, kỹ thuật, xã hội; về sử dụng nguồn nguyên liệu; giải quyết việc làm cho người lao động và đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. *Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp*: Là việc áp dụng các giải pháp về quản lý, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường.

6. *Dịch vụ khuyến công*: Là các dịch vụ cần triển khai để thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

### **Điều 3. Mục tiêu của hoạt động khuyến công**

1. Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

2. Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

3. Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

4. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

## **Chương II CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG**

### **Điều 4. Nội dung hoạt động khuyến công**

1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn,

tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

4. Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Tư vấn, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

6. Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

7. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề. Hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp;

b) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý nước thải tập trung và thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp;

c) Hỗ trợ tư vấn, lãi xuất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp. Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

8. Hợp tác quốc tế về khuyến công, bao gồm các hoạt động:

a) Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế;

b) Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

9. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

a) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

b) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn;

c) Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh. Xây dựng và duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công;

d) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn; kế hoạch khuyến công hàng năm;

đ) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công;

e) Hỗ trợ triển khai các chương trình liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

**Điều 5.** Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại các Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này đầu tư sản xuất vào các ngành, nghề sau đây được hưởng các chính sách khuyến công theo các nội dung quy định tại Điều 4 Quy chế này:

a) Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và chế biến thực phẩm;

b) Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu;

c) Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới, sản xuất vật liệu xây không nung;

d) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử-tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ;

đ) Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp;

e) Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

g) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

2. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu của công tác khuyến công trong từng thời kỳ, các quy định của pháp luật hiện hành Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề được hưởng các chính sách quy định tại Khoản 1 của Điều này.

**Điều 6.** Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên, theo thứ tự:

a) Các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

b) Các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

c) Các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

d) Các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

### 2. Ngành nghề ưu tiên, theo thứ tự:

a) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp cơ khí, hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

b) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đã được cấp giấy chứng nhận; sản phẩm thuộc chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp chủ lực, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp trọng điểm của địa phương, sản xuất các sản phẩm đã có hợp đồng xuất khẩu hoặc cung ứng cho đơn vị khác sản xuất sản phẩm xuất khẩu; các đề án sử dụng trên 50% tổng giá trị nguyên liệu chính cung cấp từ trong tỉnh, sử dụng từ 50 lao động trở lên; áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp;

### 3. Nguyên tắc xét ưu tiên:

a) Ưu tiên phân bổ kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm theo địa bàn trước, sau đó xét đến ưu tiên về ngành nghề;

b) Đối với hoạt động sản xuất sạch hơn không xét thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành nghề mà xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án;

c) Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

## **Chương III** **KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG, MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG** **KHUYẾN CÔNG**

### **Điều 7.** Kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công

Kinh phí cho hoạt động khuyến công và kinh phí áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (gọi chung là kinh phí khuyến công), bao gồm kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

1. Kinh phí khuyến công quốc gia là kinh phí sử dụng cho những hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện.

2. Kinh phí khuyến công địa phương là kinh phí do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, sử dụng cho những hoạt động khuyến công do địa phương tổ chức thực hiện.

### **Điều 8.** Kinh phí khuyến công địa phương

1. Kinh phí khuyến công địa phương được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách của cấp tỉnh, cấp huyện phân bổ hàng năm theo kế hoạch;
- b) Nguồn kinh phí thu hồi từ các đề án khuyến công đã hỗ trợ theo hình thức hỗ trợ có thu hồi kinh phí hàng năm;
- c) Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có);
- d) Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng cho mục đích sau:

- a) Chi cho hoạt động khuyến công do địa phương tổ chức thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này;
- b) Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến công địa phương.

### **Điều 9. Quản lý kinh phí khuyến công địa phương**

1. Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Hàng năm, cơ quan quản lý nhà nước về khuyến công xây dựng dự toán cùng thời điểm xây dựng dự toán, gửi cơ quan tài chính cùng cấp đề tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3. Kinh phí khuyến công địa phương nếu chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được chuyển sang năm sau thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

### **Điều 10. Hình thức, mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương**

1. Mức chi không thu hồi kinh phí tối đa không quá 30% trong tổng kinh phí khuyến công hàng năm, bao gồm kinh phí thu hồi từ các đề án hỗ trợ có thu hồi và kinh phí ngân sách tỉnh cấp hàng năm, chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

2. Mức chi có thu hồi kinh phí tối thiểu không dưới 70% trong tổng kinh phí khuyến công hàng năm, bao gồm kinh phí thu hồi từ các đề án hỗ trợ có thu hồi và kinh phí ngân sách tỉnh cấp hàng năm, chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

### **Điều 11. Điều kiện hỗ trợ kinh phí khuyến công**

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

**Điều 12. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

1. Tờ trình, đơn đề nghị đề nghị của đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đề án.
2. Đề án khuyến công có các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy chế này.
3. Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4. Đối với các đề án có liên quan đến vấn đề về môi trường hoặc vệ sinh an toàn thực phẩm thì đề án phải bổ sung thêm các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định pháp luật.
5. Đối với các đề án hỗ trợ có thu hồi kinh phí: Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, phải nộp bản sao có chứng thực các văn bản pháp lý có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

**Điều 13. Thời gian đăng ký và phê duyệt đề án khuyến công**

1. Chậm nhất đến ngày 15 tháng 10 hàng năm, các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này có nhu cầu được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công cho năm sau đăng ký hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Bảo Lộc, Đà Lạt để tổng hợp và chuyển đến Trung tâm Khuyến công thuộc Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

2. Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp là cơ quan giúp Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức khảo sát cơ sở, hướng dẫn các đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ, tổng hợp, xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm.

3. Chậm nhất đến ngày 15 tháng 12 hàng năm, Sở Công Thương tổ chức thẩm định cụ thể các đề án khuyến công đề nghị hỗ trợ, lập biên bản thẩm định, tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương hoặc trình Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia (thông qua Cục Công Thương địa phương).

**Điều 14. Giải ngân kinh phí khuyến công địa phương**

1. Đối với đề án hỗ trợ không thu hồi

a) Sau khi đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch kinh phí khuyến công của tỉnh, Sở Công Thương thông báo đến chủ đề án. Đối với các đề án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trong kế hoạch kinh phí khuyến công của cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Quyết định trực tiếp đến chủ đề án;

b) Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp thực hiện việc hướng dẫn, giải ngân kinh phí hỗ trợ, theo dõi tiến độ triển khai theo các quy định hiện hành.

2. Đối với các đề án hỗ trợ có thu hồi kinh phí: Ngoài việc thực hiện theo quy định tại Khoản 1 của Điều này, trước khi được giải ngân, chủ đề án phải ký hợp đồng sử dụng và hoàn trả kinh phí khuyến công với Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp.

### **Điều 15.** Thanh quyết toán kinh phí khuyến công

#### 1. Lập, chấp hành và quyết toán

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

#### 2. Công tác hạch toán, quyết toán

a) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công, có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công vào loại 280 khoản 309 "hoạt động khuyến công", theo chương tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

b) Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công do đơn vị thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng với cơ quan chủ trì, chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan chủ trì, gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo dự toán chi tiết kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác theo quy định của Bộ Công Thương. Các chứng từ chi tiêu của đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khuyến công được lưu tại đơn vị.

c) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công phải quyết toán kinh phí năm đã sử dụng với Bộ Công Thương (đối với kinh phí khuyến công quốc gia) với Sở Công Thương (đối với kinh phí khuyến công cấp tỉnh). Quyết toán năm Bộ Công Thương và Sở Công Thương gửi cơ quan tài chính đồng cấp thẩm định. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Việc giao nhiệm vụ quản lý, thực hiện kinh phí khuyến công địa phương của cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tổ chức khuyến công địa phương.

3. Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, sau khi đề án thực hiện hoàn thành hoặc chậm nhất đến ngày 25 tháng 12 hàng năm, chủ đề án phải thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí khuyến công với Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp (cấp tỉnh) hoặc Phòng Tài Chính (cấp huyện).

#### 4. Hồ sơ quyết toán bao gồm



- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán đề án khuyến công;
- b) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án khuyến công hoặc biên bản nghiệm thu cơ sở đề án khuyến công của đơn vị;
- c) Bảng tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ;
- d) Bảng kê chứng từ;
- đ) Các phiếu thu, chi kèm theo hoá đơn, chứng từ gốc;
- e) Các văn bản, giấy tờ pháp lý có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện đề án khuyến công.

**Điều 16.** Thu hồi kinh phí khuyến công hỗ trợ có thu hồi

1. Thời gian thu hồi kinh phí các đề án khuyến công hỗ trợ có thu hồi do Sở Công Thương quyết định, nhưng tối đa không quá 05 (năm) năm, tùy theo từng đề án cụ thể.

2. Tiến độ thu hồi kinh phí hỗ trợ được thực hiện cụ thể theo hợp đồng sử dụng và hoàn trả kinh phí khuyến công. Thời điểm bắt đầu thu hồi của năm đầu tiên là 12 (mười hai) tháng sau khi thực hiện xong việc giải ngân kinh phí.

3. Mức thu hồi hàng năm được thoả thuận cụ thể trong hợp đồng sử dụng và hoàn trả kinh phí khuyến công.

4. Đến thời hạn hoàn trả kinh phí hỗ trợ có thu hồi, chủ đề án phải thực hiện việc hoàn trả kinh phí khuyến công hỗ trợ theo như hợp đồng đã cam kết với Trung tâm Khuyến công khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 17.** Xử lý việc không hoàn trả đối với chủ đề án khuyến công được hỗ trợ có thu hồi kinh phí

1. Đến thời hạn hoàn trả kinh phí khuyến công hỗ trợ có thu hồi kinh phí, nếu chủ đề án không thực hiện được việc hoàn trả thì phải có đơn xin gia hạn, nêu rõ lý do, dự kiến khả năng tài chính trong thời gian tới và cam kết thời điểm hoàn trả để Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp xem xét giải quyết. Mỗi đề án chỉ được gia hạn một lần với thời gian không quá 03 (ba) tháng.

2. Quá thời hạn 03 (ba) tháng theo hợp đồng hoặc đến thời hạn đã được gia hạn, chủ đề án không hoàn trả kinh phí khuyến công theo hợp đồng đã ký kết thì trong thời hạn không quá 20 ngày Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp khởi kiện chủ đề án ra Tòa án có thẩm quyền để xử lý việc vi phạm Hợp đồng sử dụng và hoàn trả kinh phí khuyến công đã ký kết, trừ các trường hợp bất khả kháng được quy định trong hợp đồng. Kinh phí phát sinh do việc khởi kiện thực hiện theo phán quyết của Tòa án và quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cơ sở sản xuất công nghiệp bị giải thể hoặc phá sản không hoàn trả được kinh phí khuyến công hỗ trợ có thu hồi như cam kết, việc thu hồi kinh phí khuyến công được tính vào khoản nợ Ngân sách Nhà nước của chủ đề án và xử lý theo quy định của pháp luật về giải thể hoặc phá sản.

**Điều 18.** Trách nhiệm của chủ đề án khuyến công

1. Thực hiện theo nội dung đề án được phê duyệt, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích và đúng quy định quản lý tài chính hiện hành nhằm đạt mục tiêu của đề án.  
**đề ra**

2. Định kỳ báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đề án khuyến công. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công.

3. Đối với đề án khuyến công hỗ trợ có thu hồi kinh phí, ngoài việc thực hiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này, chủ đề án có trách nhiệm:

a) Hoàn trả số tiền phải trả hàng năm vào tài khoản của Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng đúng thời hạn quy định tại hợp đồng đã ký kết;

b) Trong thời gian chưa hoàn trả hết kinh phí khuyến công hỗ trợ có thu hồi, chủ đề án không được sang nhượng tài sản hình thành từ nguồn kinh phí khuyến công, không dùng làm thế chấp trong các giao dịch tín dụng hoặc các giao dịch khác;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng hợp đồng đã ký về sử dụng và hoàn trả kinh phí khuyến công.

**Điều 19.** Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp

1. Xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm trên địa bàn tỉnh trình Sở Công Thương tổ chức thẩm định.

2. Thông báo đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công được biết kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương được UBND tỉnh phê duyệt, kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia được Cục Công thương địa phương phê duyệt; hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công đã được duyệt.

3. Thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện các đề án khuyến công và theo dõi sau đầu tư đối với các đề án khuyến công hỗ trợ có thu hồi kinh phí.

4. Trực tiếp theo dõi, quản lý sử dụng kinh phí khuyến công; thực hiện việc giải ngân và thanh quyết toán các đề án khuyến công theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện việc thu hồi kinh phí đối với các đề án khuyến công hỗ trợ có thu hồi. Phối hợp với các cơ quan có liên quan (Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện; Tòa án nhân dân, các cơ quan thi hành án dân sự) để xử lý việc thu hồi kinh phí khuyến công đã hỗ trợ đối với các chủ đề án vi phạm hợp đồng sử dụng và hoàn trả kinh phí khuyến công.

6. Định kỳ báo cáo Sở Công Thương, Sở Tài chính việc thu hồi kinh phí đối với các đề án khuyến công hỗ trợ có thu hồi.

7. Thực hiện các dịch vụ khuyến công theo các đề án cụ thể được phê duyệt.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG**

**Điều 20.** Quản lý Nhà nước đối với hoạt động khuyến công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương.

**Điều 21.** Nội dung quản lý Nhà nước đối với hoạt động khuyến công

1. Xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện địa phương.

2. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm tại địa phương.

3. Quyết định hình thức hỗ trợ từ kinh phí khuyến công địa phương cho các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Quy chế này.

4. Bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công tại địa phương theo các quy định tại Quy chế này.

5. Xây dựng, trình Bộ Công Thương tổng hợp các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn Tỉnh.

7. Quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút các nguồn vốn cho hoạt động khuyến công của địa phương.

8. Theo dõi, đánh giá, định kỳ báo cáo Bộ Công Thương về hoạt động khuyến công tại địa phương.

**Điều 22.** Trách nhiệm quản lý Nhà nước của các cơ quan đối với hoạt động khuyến công

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch dự toán kinh phí khuyến công địa phương hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở có liên quan tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm của tỉnh; chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

d) Rà soát các đề án khuyến công không thực hiện, xem xét các đề án bổ sung của các đơn vị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm của tỉnh;

đ) Chủ trì, xây dựng kế hoạch và thẩm định cấp cơ sở các đề án khuyến công thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia triển khai tại địa phương gửi Cục Công Thương địa phương tổng hợp trình Bộ Công Thương phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

e) Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thu hồi kinh phí đối với các đề án khuyến công hỗ trợ có thu hồi. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phương án xử lý đối với các đề án khuyến công hỗ trợ có thu hồi kinh phí nhưng không thu hồi được trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

g) Quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động khuyến công.

h) Tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh;

i) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

## 2. Sở Tài chính

a) Tham gia cùng với Sở Công Thương thẩm định kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công hàng năm theo quy định quản lý tài chính hiện hành.

## 3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các lĩnh vực được phân công nhằm hỗ trợ cho việc phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Tham gia cùng với Sở Công Thương thẩm định kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

## 4. UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh

a) Hàng năm, căn cứ vào chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn đã được phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh chủ trì hướng dẫn xây dựng kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn nhằm hỗ trợ cho việc phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

## **Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Hàng năm và theo từng giai đoạn, Sở Công Thương tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, khen thưởng cho các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 24. Triển khai thực hiện Quy chế**

Sở Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp

- tiêu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh để thực hiện; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có vấn đề chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Việt**

## Phụ lục I

### MỨC CHI KHÔNG THU HỒI KINH PHÍ

(Kèm theo Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương và quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày / /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI
1	Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo	
a	Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề cho người lao động	Mức chi áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 (ba) tháng
b	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn	Mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng
c	Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công	Mức chi áp dụng theo Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
d	Chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp	Mức chi áp dụng theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa
2	Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành	Hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp

	lập doanh nghiệp	
3	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình
4	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình
5	Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyên giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp đối với mô hình có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 500 triệu đồng, thuộc địa bàn ưu tiên hoặc ngành nghề ưu tiên theo quy định tại Điều 6 Quy chế quản lý hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng	Hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở

6	Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Hỗ trợ 50% chi phí
7	Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước	Hỗ trợ 50% giá thuê gian hàng
8	Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Hỗ trợ 50% chi phí
9	Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh	
a)	Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh	Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 80 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh



b)	Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn	02 triệu đồng/sản phẩm đạt giải cấp huyện; 03 triệu đồng/sản phẩm đạt giải cấp tỉnh
10	Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn	Hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu
11	Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở
12	Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển Công thương. Các khoản chi được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Hỗ trợ 100% chi phí
13	Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp huyện và cấp tỉnh	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 30 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp huyện, 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp tỉnh
14	Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 80 triệu đồng/cụm liên kết
15	Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư) đối với các khoản vay để đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ. Việc hỗ trợ	Hỗ trợ tối đa 50% lãi suất trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở

	lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam	
16	Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cụm công nghiệp
17	Chi quản lý chương trình đề án khuyến công: cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng kinh phí để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi phí công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi phí thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Mức chi tối đa 1,5% kinh phí khuyến công được UBND tỉnh giao hàng năm

**Phụ Lục II**  
**MỨC CHI CÓ THỦ HỒI KINH PHÍ**

*(Kèm theo Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương và quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày / /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Nội dung hỗ trợ: xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị sản xuất; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường. Cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC CHI TỐI ĐA</b>
1	Đề án có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng	Mức chi 30% tổng mức đầu tư của đề án khuyến công nhưng không quá 200 triệu đồng/đề án
2	Đề án có tổng mức đầu tư từ 01 tỷ đồng đến dưới 01 tỷ 500 triệu đồng	Mức chi 30% tổng mức đầu tư của đề án khuyến công nhưng không quá 300 triệu đồng/đề án
3	Đề án có tổng mức đầu tư từ 01 tỷ 500 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng	Mức chi 30% tổng mức đầu tư của đề án khuyến công nhưng không quá 400 triệu đồng/đề án
4	Đề án có tổng mức đầu tư từ 02 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng	Mức chi 30% tổng mức đầu tư của đề án khuyến công nhưng không quá 600 triệu đồng/đề án
5	Đề án có tổng mức đầu tư từ 03 tỷ đồng trở lên	Mức chi 30% tổng mức đầu tư của đề án khuyến công nhưng không quá 800 triệu đồng/đề án